

Số: 30/TB-MNFV

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 02 năm 2026

V/v: Thông báo thay đổi thiết kế nhãn
hàng hoá của dòng sản phẩm
Thức uống sữa trái cây ZinZin

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên

Chúng tôi, CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM (“MNFV”), xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sự hỗ trợ, tạo điều kiện của Quý Cơ quan với MNFV trong suốt thời gian vừa qua.

MNFV đã thực hiện tự công bố các Sản phẩm dưới đây tại Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên theo quy định của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (“**Nghị định 15/2018/NĐ-CP**”):

STT	Tên sản phẩm	Số Tự công bố	Ngày ban hành	Số lượng nhãn hàng hoá thay đổi
1	Thức uống sữa trái cây vị Cam ZinZin	17/MORINAGA/2024	25/03/2024	08
2	Thức uống sữa trái cây vị Dâu ZinZin	18/MORINAGA/2024	25/03/2024	08
3	Thức uống sữa trái cây vị Việt quất ZinZin	19/MORINAGA/2024	25/03/2024	08
4	Thức uống sữa trái cây hương Nho ZinZin	16/MORINAGA/2024	25/03/2024	08
(Sau đây gọi tắt là “Sản Phẩm”)				32

Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, MNFV xin thông báo tới Quý cơ quan về việc thay đổi một số thông tin và thiết kế trên nhãn hàng hoá của Sản Phẩm và **không làm thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo của Sản Phẩm**, cụ thể:

1. Bổ sung nhãn hiệu Morinaga trên nhãn hàng hoá



Dựa trên định hướng phát triển sản phẩm và chiến lược tăng cường nhận diện thương hiệu Morinaga tại thị trường Việt Nam, đồng thời trên cơ sở văn bản chấp thuận của Morinaga Milk Industry Co., Ltd. theo Thư xác nhận ký ngày 09/02/2026 (Đính kèm công văn này), MNFV thực hiện bổ sung nhãn hiệu “Morinaga” như trên các dòng sản phẩm do MNFV sản xuất tại Việt Nam nhằm bảo đảm tính thống nhất nhận diện thương hiệu trong hệ thống toàn cầu của Tập đoàn.

Nhãn hiệu “Morinaga” đã được cấp Văn bằng bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 237943 và hiện đang còn hiệu lực theo quy định pháp luật.

MNFV cam kết việc bổ sung nhãn hiệu này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về sở hữu trí tuệ và ghi nhãn hàng hoá

2. Bổ sung nội dung “Chuyên gia Nhật Bản Giám sát chất lượng” như sau:



Nhằm cung cấp thêm thông tin minh bạch về quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm và tăng cường niềm tin của người tiêu dùng, MNFV thực hiện bổ sung nội dung “Chuyên gia Nhật Bản Giám sát chất lượng” trên nhãn sản phẩm.

Nội dung này phản ánh việc hoạt động sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm có sự tham gia/giám sát của chuyên gia đến từ Tập đoàn - Morinaga Milk Industry Co., Ltd. (Nhật Bản) và phù hợp với quy trình quản lý chất lượng nội bộ của Công ty và Tập đoàn - Morinaga Milk Industry Co., Ltd (Quy định đảm bảo chất lượng số 102-5, ban hành: ngày 04 tháng 3 năm 2022, sửa đổi: ngày 18 tháng 6 năm 2024).

Hình ảnh dấu tích được thiết kế kèm theo nội dung nêu trên nhằm minh họa trực quan cho ý nghĩa “đã được kiểm tra/giám sát”, tạo sự liên kết thống nhất giữa yếu tố hình ảnh và thông điệp về kiểm soát chất lượng. Biểu tượng này chỉ mang tính đồ họa truyền thông, không phải là dấu chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn hoặc chứng nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

3. Bổ sung câu “Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn” tại mục Thông tin dinh dưỡng.

Nội dung “Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn” được bổ sung nhằm xác định rõ mức giá trị tối thiểu của các chỉ tiêu dinh dưỡng trong suốt thời hạn sử dụng, thể hiện cam kết kiểm soát chất lượng của MNFV và tăng cường minh bạch thông tin đối với người tiêu dùng. Việc bổ sung này không làm thay đổi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng đã công bố của sản phẩm.

600
C
M
NUT
Z

4. Thay đổi cách trình bày một số thông tin trên nhãn hàng hoá

Ghi chú: Các nội dung thay đổi nêu tại Thông báo này được áp dụng thống nhất đối với toàn bộ các sản phẩm thuộc cùng một dòng sản phẩm nêu trên. Nội dung thay đổi chi tiết tương ứng với từng sản phẩm được thể hiện tại Nhãn hàng hóa sau thay đổi đính kèm Thông báo này.

MNFV cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung của Thông Báo và đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật Việt Nam.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**



**TỔNG GIÁM ĐỐC
KOHARA SHUNSUKE**

285
NG
Ô PP
:ORD
HTIO
VIỆ
'VH T

Nhãn hàng hoá trước khi thay đổi

1.1.Thức uống sữa trái cây vị cam ZinZin (110 ml)



Nhãn hàng hoá sau khi thay đổi

Nhãn hàng hoá sau khi thay đổi

Nhãn hàng hoá trước khi thay đổi

4.1.Thức uống sữa trái cây hương nho ZinZin (180 ml)

THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY HƯƠNG NHO ZinZin

Thành phần: Nước, đường glucose, sữa bột (25.3 g/L), nước ép táo, chất ổn định (carrageenan, guar gum), chất béo thực vật, hương trái cây, chất tạo ngọt (sucralose), chất bảo quản (potassium sorbate), vitamin B3, vitamin D3.

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 180 ml sản phẩm:

Hàm lượng	93.3 kcal
Chất đạm	1.58 g
Chất béo	0.29 g
Bình đẳng năng	20.2 g
Calori (total)	115.0 mg
Natri	100.00 mg

Thông tin khác: Sản phẩm không chứa gluten, không chứa chất béo bão hòa, không chứa chất béo trans, không chứa chất tạo ngọt nhân tạo, không chứa màu nhân tạo, không chứa chất bảo quản nhân tạo.

Địa chỉ: Công ty TNHH MỸ ANH, 10000 VIT NAM, Thủ Đức, TP. HCM.

Hotline: 1900-888-602

Website: www.mynang.vn

Sản xuất tại Việt Nam.

Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi.

MSK và HSB: Xem trên bao bì sản phẩm.

Barcode: 8 936009 193266

MSK ONLY PSC FSC FSC® C01487

THÀNH PHẦN HÀNG LƯỢNG
This product is made from natural ingredients.

THÀNH PHẦN HÀNG LƯỢNG
This product is made from natural ingredients.





Nhãn hàng hoá của Sản phẩm "Thức uống sữa trái cây hương Nho ZinZin"

(Đính kèm Thông báo số 30/TB-MNFV ký ngày 27/02/2026)

MARKETING	R&D	L&C
25.02.2026 Trần Nguyễn Ngọc Trần	27.02.2026 Ch Trương Khánh Linh	26.02.2026 Lau Lê Thị Mai Loan.



Nhãn hàng hoá của Sản phẩm “Thức uống sữa trái cây hương Nho ZinZin”

(Đính kèm Thông báo số 30/TB-MNFV ký ngày 24/02/2026)



MARKETING	R&D	L&C
<p>25.02.2026</p> <p><i>Tram</i></p> <p>Nguyễn Ngọc Trâm</p>	<p>25.02.2026</p> <p><i>Oh</i></p> <p>Tương Khánh Linh</p>	<p>26.02.2026</p> <p><i>See</i></p> <p>Lê Thị Mai Lâm</p>



Nhãn hàng hoa của Sản phẩm “Thức uống sữa trái cây hương Nho ZinZin”

(Đính kèm Thông báo số 30/TB-MNFV ký ngày 27/02/2026)



MARKETING	R&D	L&C
25.02.2026 Trần Nguyễn Ngọc Trâm	27.02.2026 Trần Trương Khánh Linh	26.02.2026 Lê Thị Mai Xuân



Nhãn hàng hoá của Sản phẩm “Thực uống sữa trái cây hương nho ZinZin”

(Đính kèm Thông báo số 30/TB-MNFV ký ngày 27/02/2026)



MARKETING	R&D	L&C
<p>25.02.2026</p> <p><i>Trần</i></p> <p>Nguyễn Ngọc Trần</p>	<p>27.02.2026</p> <p><i>Trần</i></p> <p>Trương Khải Linh</p>	<p>26.02.2026</p> <p><i>Trần</i></p> <p>Lê Thị Mai Trần</p>



Nhãn hàng hoa của Sản phẩm "Thức uống sữa trái cây hương Nho ZinZin"

(Đính kèm Thông báo số 30/TB-MNFV ký ngày 27/02/2026)

MARKETING	R&D	L&C
25.02.2026 Trần Nguyễn Ngọc Trần	27.02.2026 Hoàng Trương Khánh Linh	26.02.2026 Lê Thị Mai Liên



Nhãn hàng hoá của Sản phẩm "Thức uống sữa trái cây hương Nho ZinZin"

(Đính kèm Thông báo số 30/TB-MNFV ký ngày 27/02/2026)

MARKETING	R&D	L&C
25.02.2026 Trần Nguyễn Ngọc Trần	27.02.2026 Trương Khải Linh	26.02.2026 Lê Thị Mai Lâm



Nhãn hàng hoa của Sản phẩm "Thức uống sữa trái cây hương Nho ZinZin"

(Đính kèm Thông báo số 30/TB-MNFV ký ngày 27/02/2026)

MARKETING	R&D	L&C
25.02.2026	27.02.2026	26.02.2026
Trâm	Qu	Lu
Nguyễn Ngọc Trâm	Trương Khánh Linh	Lê Thị Mai Lâm



Nhãn hàng hoá của Sản phẩm "Thực uống sữa trái cây hương Nho ZinZin"

(Đính kèm Thông báo số 30/TB-MNFV ký ngày 27/02/2026)



MARKETING	R&D	L&C
25.02.2026 Trang Nguyễn Ngọc Đoàn	27.02.2026 OK Trương Khải Linh	26.02.2026 Luu Lê Thị Mai Lâm



MORINAGA MILK GROUP
MORINAGA MILK INDUSTRY CO., LTD.

5-2, Higashi Shimbashi 1-Chome, Minato-ku, Tokyo 105-7122, Nhật Bản

LETTER OF CONFIRMATION
THƯ XÁC NHẬN

Date: 09 Feb, 2026/Ngày 09 Feb 2026

To Whom It May Concern,
Kính gửi: Quý Cơ quan, Tổ chức có liên quan

By this Letter, we hereby confirm that:


Bằng văn bản này, Chúng tôi xác nhận rằng:

Morinaga Nutritional Foods Vietnam Joint Stock Company, enterprise code 4600285900 (hereinafter referred to as "MNFV"), is a subsidiary of MORINAGA MILK INDUSTRY CO., LTD. and a member of MORINAGA MILK GROUP.

Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam, mã số doanh nghiệp: 4600285900 (Sau đây gọi tắt là "MNFV") là công ty con của MORINAGA MILK INDUSTRY CO., LTD và thuộc Tập đoàn Morinaga Milk.

Accordingly, we hereby agree and authorize MNFV to use our following trademark on goods labels, packaging, and other product-related documents (if any), for the purpose of reflecting its corporate affiliation with Morinaga Milk Group.

Theo đó, chúng tôi đồng ý và cho phép MNFV được sử dụng nhãn hiệu dưới đây thuộc sở hữu của tập đoàn trên nhãn hàng hóa, bao bì sản phẩm và các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm (nếu có), nhằm thể hiện mối quan hệ trực thuộc với Tập đoàn Morinaga Milk.

Trademark/ Nhãn hiệu	Registration Certificate No./ Số văn bằng bảo hộ	Date of Granting/ Ngày cấp
	237943	26/12/2014


Respectfully yours,

Trân trọng!

For and on behalf of Morinaga Milk Group

Đại diện Tập đoàn Morinaga Milk

(Signature and Stamp)



KOBAYASHI ATSUSHI

Executive Managing Officer

Giám đốc điều hành

Số: M3/TB-MNFV

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 07 năm 2025

V/v: Thông báo thay đổi nội dung tự
công bố sản phẩm và nhãn hàng hoá

Kính gửi: Sở Y tế Thái Nguyên

Chúng tôi, CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM (“MNFV”), xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sự hỗ trợ, tạo điều kiện của Quý Cơ quan với MNFV trong suốt thời gian vừa qua.

MNFV đã thực hiện tự công bố đối với Sản phẩm “**Thức uống sữa trái cây hương Nho ZinZin**” theo Bản tự công bố số 16/MORINAGA/2024 ngày 25/03/2024.

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, Nghị quyết số 76/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025 và Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế, MNFV xin thông báo tới Quý cơ quan về việc thay đổi một số nội dung của hồ sơ tự công bố sản phẩm, nhãn hàng hoá và **không làm thay đổi** về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo của Sản Phẩm. Nội dung thay đổi cụ thể như sau:

1. Cập nhật thông tin địa chỉ của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam tại Mục I và Mục II.5 của Bản tự Công bố Sản phẩm và trên Nhãn hàng hoá

Thông tin trước khi cập nhật	Thông tin sau khi cập nhật
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.	Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

2. Cập nhật cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng theo quy định của Thông tư số 29/2023/TT-BYT



Thông tin trước khi cập nhật	Thông tin sau khi cập nhật																																										
2.1. Đối với Hộp 110ml																																											
<p>Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 110 ml sản phẩm</p> <table border="1"> <tr><td>Năng lượng</td><td>58,5</td><td>kcal</td></tr> <tr><td>Chất đạm</td><td>0,96</td><td>g</td></tr> <tr><td>Chất béo</td><td>0,18</td><td>g</td></tr> <tr><td>Hyđrat cacbon</td><td>13,25</td><td>g</td></tr> <tr><td>Calci (Canxi)</td><td>70,0</td><td>mg</td></tr> <tr><td>Vitamin D3</td><td>61,0</td><td>IU</td></tr> </table>	Năng lượng	58,5	kcal	Chất đạm	0,96	g	Chất béo	0,18	g	Hyđrat cacbon	13,25	g	Calci (Canxi)	70,0	mg	Vitamin D3	61,0	IU	<p>Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 110 ml sản phẩm</p> <table border="1"> <tr><td>Năng lượng</td><td>57,1</td><td>kcal</td></tr> <tr><td>Chất đạm</td><td>0,96</td><td>g</td></tr> <tr><td>Chất béo</td><td>0,18</td><td>g</td></tr> <tr><td>Carbohydrat</td><td>12,9</td><td>g</td></tr> <tr><td>Đường tổng số</td><td>12,4</td><td>g</td></tr> <tr><td>Calci (canxi)</td><td>70,0</td><td>mg</td></tr> <tr><td>Vitamin D3</td><td>61,0</td><td>IU</td></tr> <tr><td>Natri</td><td>49,5</td><td>mg</td></tr> </table>	Năng lượng	57,1	kcal	Chất đạm	0,96	g	Chất béo	0,18	g	Carbohydrat	12,9	g	Đường tổng số	12,4	g	Calci (canxi)	70,0	mg	Vitamin D3	61,0	IU	Natri	49,5	mg
Năng lượng	58,5	kcal																																									
Chất đạm	0,96	g																																									
Chất béo	0,18	g																																									
Hyđrat cacbon	13,25	g																																									
Calci (Canxi)	70,0	mg																																									
Vitamin D3	61,0	IU																																									
Năng lượng	57,1	kcal																																									
Chất đạm	0,96	g																																									
Chất béo	0,18	g																																									
Carbohydrat	12,9	g																																									
Đường tổng số	12,4	g																																									
Calci (canxi)	70,0	mg																																									
Vitamin D3	61,0	IU																																									
Natri	49,5	mg																																									
2.2. Đối với Hộp 180ml																																											
<p>Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 180 ml sản phẩm</p> <table border="1"> <tr><td>Năng lượng</td><td>95,7</td><td>kcal</td></tr> <tr><td>Chất đạm</td><td>1,58</td><td>g</td></tr> <tr><td>Chất béo</td><td>0,29</td><td>g</td></tr> <tr><td>Hyđrat cacbon</td><td>21,68</td><td>g</td></tr> <tr><td>Calci (Canxi)</td><td>115,0</td><td>mg</td></tr> <tr><td>Vitamin D3</td><td>100,0</td><td>IU</td></tr> </table>	Năng lượng	95,7	kcal	Chất đạm	1,58	g	Chất béo	0,29	g	Hyđrat cacbon	21,68	g	Calci (Canxi)	115,0	mg	Vitamin D3	100,0	IU	<p>Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 180 ml sản phẩm</p> <table border="1"> <tr><td>Năng lượng</td><td>93,3</td><td>kcal</td></tr> <tr><td>Chất đạm</td><td>1,58</td><td>g</td></tr> <tr><td>Chất béo</td><td>0,29</td><td>g</td></tr> <tr><td>Carbohydrat</td><td>21,1</td><td>g</td></tr> <tr><td>Đường tổng số</td><td>20,2</td><td>g</td></tr> <tr><td>Calci (canxi)</td><td>115,0</td><td>mg</td></tr> <tr><td>Vitamin D3</td><td>100,0</td><td>IU</td></tr> <tr><td>Natri</td><td>81,0</td><td>mg</td></tr> </table>	Năng lượng	93,3	kcal	Chất đạm	1,58	g	Chất béo	0,29	g	Carbohydrat	21,1	g	Đường tổng số	20,2	g	Calci (canxi)	115,0	mg	Vitamin D3	100,0	IU	Natri	81,0	mg
Năng lượng	95,7	kcal																																									
Chất đạm	1,58	g																																									
Chất béo	0,29	g																																									
Hyđrat cacbon	21,68	g																																									
Calci (Canxi)	115,0	mg																																									
Vitamin D3	100,0	IU																																									
Năng lượng	93,3	kcal																																									
Chất đạm	1,58	g																																									
Chất béo	0,29	g																																									
Carbohydrat	21,1	g																																									
Đường tổng số	20,2	g																																									
Calci (canxi)	115,0	mg																																									
Vitamin D3	100,0	IU																																									
Natri	81,0	mg																																									

0028590
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MORINAGA
NATIONAL FOOD
VIỆT NAM
T. THAI

3. Hiệu chỉnh thông tin trên nhãn hàng hoá

Do sơ suất lỗi kỹ thuật trong quá trình trình bày, MNFV xin hiệu chỉnh thông tin trên nhãn hàng hoá của Sản Phẩm như sau:

Thông tin trước khi hiệu chỉnh	Thông tin sau khi hiệu chỉnh
Công ty thuộc tập đoàn Morinaga Milk Industry Group	Công ty thuộc Tập đoàn Morinaga Milk

MNFV cam kết việc hiệu chỉnh trên chỉ nhằm mục đích làm rõ và thống nhất cách thể hiện tên gọi của tổ chức nước ngoài, không thay đổi bản chất thông tin và không ảnh hưởng đến chất lượng của Sản Phẩm.

Nội dung chi tiết theo nhãn hàng hoá đính kèm Thông Báo này.

MNFV cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung của Thông Báo và đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật Việt Nam.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**



**TỔNG GIÁM ĐỐC
KOHARA SHUNSUKE**





ツミルク

STAIRACAP
linzin
HƯƠNG NHO



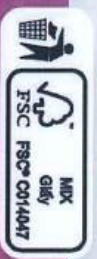
CƯỜNG TRĂNG NẶNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 110 ml sản phẩm

Năng lượng	57,1	Kcal
Chất đạm	0,96	g
Chất béo	0,18	g
Carbohydrat	12,9	g
Đường tổng số	12,4	g
Gald (canxi)	70,0	mg
Vitamin D3	61,0	IU
Natri	49,5	mg

Thành phần: Nước, đường (đường kính, xirô fructose - glucose), sữa bột (26,3 g/l), nước ép táo, chất ổn định (466, 440), khoáng chất (calcium gluconat, calci lactat), chất điều chỉnh độ axit (270, 330), dầu thực vật, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương nho đen), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950), màu tổng hợp (124, 133), vitamin D3.

Sản phẩm có chứa sữa.



Tetra Pak® Aseptic
Tetra Brik®

フルーツミルク

THỨC UỐNG
STAIRACAP
linzin
HƯƠNG NHO



GIÀU GANXI & VITAMIN D3
CƯỜNG TRĂNG NẶNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

Công ty thuộc
Tập đoàn Morinaga Milk
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam
Phước Yên, phường Trung Thành,
thị trấn Thuận Thành, Việt Nam.
Hotline: 1800-888-602
Website: www.morinaga-nf.com.vn
Sản xuất tại Việt Nam.

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống. Ngon hơn khi uống lạnh.
Sản phẩm cho một lần sử dụng. Hiện tượng thay đổi màu sắc và lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Như cầu khuyến nghị: Nên dùng 2 - 3 hộp mỗi ngày. Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi.
NSX và HSD: Xem trên bao bì sản phẩm.



フルーツ

THỨC UỐNG
STAIRACAP
linzin
HƯƠNG



GIÀU GANXI & VITAMIN D3
CƯỜNG TRĂNG NẶNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung



フルーツ

STAIRAICAP
inzin
HƯƠNG NHO



GIÀU
CANXI
& VITAMIN D3

THỰC PHẨM NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 110 ml sản phẩm

Năng lượng	57,1 kcal
Chất đạm	0,96 g
Chất béo	0,18 g
Carbohydrat	12,9 g
Đường tổng số	12,4 g
Canxi (canxi)	70,0 mg
Vitamin D3	61,0 IU
Natri	49,5 mg

Thành phần: Nước, đường (đường kính, xirô fructose - glucose), sữa bột (26,3 g/L), nước ép táo, chất ổn định (466, 440), khoáng chất (canxi gluconat, calci lactat), chất điều chỉnh độ axit (270, 330), dầu thực vật, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương nho đen), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950), màu tổng hợp (124, 133), vitamin D3.

Sản phẩm có chứa sữa.



Tetra Pak®
Tetra Brik® Aseptic

フルーツ

THỰC UỐNG
STAIRAICAP
inzin
HƯƠNG NHO



GIÀU
CANXI
& VITAMIN D3

THỂ TÍCH THỰC PHẨM:
110 ml
CÀNG TRÀN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM
Công ty trực
Tập đoàn Morinaga Milk
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam
Phước Yên, phường Trảng Thám,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.
Hotline: 1800-888-602
Website: www.morinaga-nf.com.vn
Sản xuất tại Việt Nam.

Hương dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống. Ngon hơn khi uống lạnh.
Sản phẩm cho một lần sử dụng: Hiện tượng thay đổi màu sắc và lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
Hương dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Như câu khuyến nghị: Nên dùng 2 - 3 hộp mỗi ngày. Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi. MSX và HSD: Xem trên bao bì sản phẩm.



フルーツ

THỰC UỐNG
STAIRAICAP
inzin
HƯƠNG NHO



GIÀU
CANXI
& VITAMIN D3

THỂ TÍCH THỰC PHẨM:
110 ml
CÀNG TRÀN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung



ツミルク

STRAICAP
tinzin
HƯƠNG NHO



GIÀU
GANMI
& VITAMIN D3

110 ml TRẦN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

Giá trị dinh dưỡng trung bình
trong 110 ml sản phẩm

Năng lượng	57,1	kcal
Chất đạm	0,96	g
Chất béo	0,18	g
Carbohydrat	12,9	g
Đường tổng số	12,4	g
Calci (canxi)	70,0	mg
Vitamin D3	61,0	IU
Natri	49,5	mg

Thành phần: Nước, đường (đường kính, xirô fructose - glucose), sữa bột (26,3 g/l), nước ép táo, chất ổn định (466, 440), khoáng chất (calci gluconat, calci lactat), chất điều chỉnh độ axit (270, 330), dầu thực vật, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương nho đen), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950), màu tổng hợp (124, 133), vitamin D3.

Sản phẩm có chứa sữa.



フルーツミルク

THỰC UỐNG
STRAICAP
tinzin
HƯƠNG NHO



GIÀU
GANMI
& VITAMIN D3

110 ml THỰC LƯỢNG
CĂNG TRẦN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

Gang ty thuc Tap Coan Morinaga Milk
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phố Yên, phường Tưng Thành, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.
Hotline: 1800-888-602
Website: www.morinaga-vn.com.vn
Sản xuất tại Việt Nam.

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống. Ngon hơn khi uống lạnh.
Sản phẩm cho một lần sử dụng. Hiện tượng thay đổi màu sắc và lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Nhu cầu khuyến nghị:
Nên dùng 2 - 3 hộp mỗi ngày. Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi. MSX và HSD: Xem trên bao bì sản phẩm.



110 ml THỰC LƯỢNG
CĂNG TRẦN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

フルーツミルク

THỰC UỐNG
STRAICAP
tinzin
HƯƠNG NHO



GIÀU
GANMI
& VITAMIN D3





ツミルカ

STAIRAICAP
inzin
HƯƠNG NHO



GIÀU
GANMI
& VITAMIN D3

THỰC PHẨM NÂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 110 ml sản phẩm

Hàng lượng	57,1	Kcal
Chất đạm	0,96	g
Chất béo	0,18	g
Carbohydrat	12,9	g
Đường tổng số	12,4	g
Calci (ganmi)	70,0	mg
Vitamin D3	61,0	IU
Natri	49,5	mg

Thành phần: Nước, đường (glucose), sữa bột (26,3 g/L), nước ép táo, chất ổn định (466, 440), khoáng chất (calci gluconat, calci lactat), chất điều chỉnh độ axit (270, 330), dầu thực vật, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương nho đen), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950), màu tổng hợp (124, 133), vitamin D3.

Sản phẩm có chứa sữa.



Tetra Pak®
Tetra Brik®Aseptic

ツミルカ

THỨC UỐNG
STAIRAICAP
inzin
HƯƠNG NHO



GIÀU
GANMI
& VITAMIN D3

THỂ TÍCH THỰC PHẨM:
110 ml
CĂNG TRÀN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM
Công ty thuộc
Tập đoàn Morinaga Milk
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam
Phước Yên, phường Trưng Thành,
thị trấn Thái Nguyên, Việt Nam.
Hotline: 1800-888-602
Website: www.morinaga-vn.com.vn
Sân xuất tại Việt Nam.

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống. Ngon hơn khi uống lạnh.
Sản phẩm cho một lần sử dụng. Hiện tượng thay đổi màu sắc và lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Như cầu khuyến nghị: Nên dùng 2 - 3 hộp mỗi ngày. Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi. **NSX và HSD:** Xem trên bao bì sản phẩm.



THỂ TÍCH THỰC PHẨM:
110 ml
CĂNG TRÀN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung



フルーツミルク

SỮA TRÁI CÂY
ZinZin
HƯƠNG NHỎ



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 180 ml sản phẩm

Năng lượng	93,3	kcal
Chất đạm	1,58	g
Chất béo	0,29	g
Carbohydrat	21,1	g
Đường tổng số	20,2	g
Canxi (canxi)	115,0	mg
Vitamin D3	100,0	IU
Natri	81,0	mg

Thành phần: Nước, đường (đường kính, xirô fructose - glucose), sữa bột (26,3 g/L), nước ép táo, chất ổn định (466, 440), khoáng chất (canxi gluconat, calci lactat), chất điều chỉnh độ axit (270, 330), dầu thực vật, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương nho đen), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950), màu tổng hợp (124, 133), vitamin D3.

Sản phẩm có chứa sữa.

SỮA TRÁI CÂY
ZinZin



CÔNG TRẦN HĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

フルーツミルク

SỮA TRÁI CÂY
ZinZin
HƯƠNG NHỎ



GIÀU
CANXI
& VITAMIN D3

THỂ TÍCH THỰC: 180 ml
CÔNG TRẦN HĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM
Công ty thuộc
Tập đoàn Morinaga Milk
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam
Phố Yên, phường Trung Thành,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.
Hotline: 1800-888-602
Website: www.morinaga-nf.com.vn
Sản xuất tại Việt Nam.

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống. Ngon hơn khi uống lạnh.
Sản phẩm cho một lần sử dụng.
Hiện tượng thay đổi màu sắc và lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Nhu cầu khuyến nghị:
Nên dùng 1 - 2 hộp mỗi ngày.
Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi.
NSX và HSD: Xem trên bao bì sản phẩm.



THỂ TÍCH THỰC: 180 ml
CÔNG TRẦN HĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

フルーツ

SỮA TRÁI CÂY
ZinZin
HƯƠNG NHỎ



GIÀU
CANXI
& VITAMIN D3

THỂ TÍCH THỰC: 180 ml
CÔNG TRẦN HĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung



フルーツミルク

SỮA TRÁI CÂY
LinZin
HƯƠNG NHỎ



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 180 ml sản phẩm

Năng lượng	93,3	kcal
Chất đạm	1,58	g
Chất béo	0,29	g
Carbohydrat	21,1	g
Đường tổng số	20,2	g
Canxi (canxi)	115,0	mg
Vitamin D3	100,0	IU
Natri	81,0	mg

Thành phần: Nước, đường (đường kính, xirô fructose - glucose), sữa bột (26,3 g/l), nước ép táo, chất ổn định (466, 440), khoáng chất (calci gluconat, calci lactat), chất điều chỉnh độ axit (270, 330), dầu thực vật, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương nho đen), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950), màu tổng hợp (124, 133), vitamin D3.

Sản phẩm có chứa sữa.

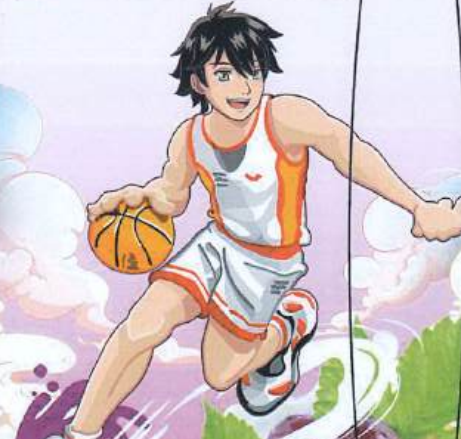
SỮA TRÁI CÂY
LinZin



CÁNG TRẦN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

フルーツミルク

SỮA TRÁI CÂY
LinZin
HƯƠNG NHỎ



**GIÀU
CANXI
& VITAMIN D3**

THỂ TÍCH THỰC: **180 ml**
CÁNG TRẦN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM
Công ty thuộc
Tập đoàn Morinaga Milk
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam
Phố Yên, phường Trung Thành,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.
Hotline: 1800-888-602
Website: www.morinaga-nf.com.vn
Sản xuất tại Việt Nam.

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống. Ngon hơn khi uống lạnh.
Sản phẩm cho một lần sử dụng.
Hiện tượng thay đổi màu sắc và lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Nhu cầu khuyến nghị:
Nên dùng 1 - 2 hộp mỗi ngày.
Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi.
NSX và HSD: Xem trên bao bì sản phẩm.



THỂ TÍCH THỰC: **180 ml**
CÁNG TRẦN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

フルーツ

SỮA TRÁI CÂY
LinZin
HƯƠNG NHỎ



**GIÀU
CANXI
& VITAMIN D3**

THỂ TÍCH THỰC: **180 ml**
CÁNG TRẦN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung



フルーツミルク

SỮA TRÁI CÂY
LinZin
HƯƠNG NHO



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 180 ml sản phẩm

Năng lượng	93,3	kcal
Chất đạm	1,58	g
Chất béo	0,29	g
Carbohydrat	21,1	g
Đường tổng số	20,2	g
Canxi (canxi)	115,0	mg
Vitamin D3	100,0	IU
Natri	81,0	mg

Thành phần: Nước, đường (đường kính, xirô fructose - glucose), sữa bột (26,3 g/L), nước ép táo, chất ổn định (466, 440), khoáng chất (canxi gluconat, calci lactat), chất điều chỉnh độ axit (270, 330), dầu thực vật, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương nho đen), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950), màu tổng hợp (124, 133), vitamin D3.

Sản phẩm có chứa sữa.

SỮA TRÁI CÂY
LinZin



CÁNG TRẦN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

フルーツミルク

SỮA TRÁI CÂY
LinZin
HƯƠNG NHO



GIÀU
CANXI
& VITAMIN D3

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM
Công ty thuộc
Tập đoàn Morinaga Milk
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam
Phố Yên, phường Trưng Thành,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.
Hotline: 1800-888-602
Website: www.morinaga-nf.com.vn
Sản xuất tại Việt Nam.

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống. Ngon hơn khi uống lạnh.

Sản phẩm cho một lần sử dụng. Hiện tượng thay đổi màu sắc và lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Nhu cầu khuyến nghị: Nên dùng 1 - 2 hộp mỗi ngày. Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi.
NSX và HSD: Xem trên bao bì sản phẩm.



THỂ TÍCH THỰC: CÁNG TRẦN NĂNG LƯỢNG
180 ml Thực phẩm bổ sung

フルーツ

SỮA TRÁI CÂY
LinZin
HƯƠNG NHO



GIÀU
CANXI
& VITAMIN D3

THỂ TÍCH THỰC: CÁNG TR
180 ml Thực phẩm bổ sung



フルーツミルク

フルーツミルク

フルー

SỮA TRÁI CÂY
ZinZin

SỮA TRÁI CÂY
ZinZin

SỮA TRÁI CÂY
ZinZin

HƯƠNG NHO

HƯƠNG NHO

HƯƠNG



Giá trị dinh dưỡng trung bình
trong 180 ml sản phẩm

Năng lượng	93,3	kcal
Chất đạm	1,58	g
Chất béo	0,29	g
Carbohydrat	21,1	g
Đường tổng số	20,2	g
Canxi (canxi)	115,0	mg
Vitamin D3	100,0	IU
Natri	81,0	mg

Thành phần: Nước, đường (đường kính, xirô fructose - glucose), sữa bột (26,3 g/L), nước ép táo, chất ổn định (466, 440), khoáng chất (calci gluconat, calci lactat), chất điều chỉnh độ axit (270, 330), dầu thực vật, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương nho đen), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950), màu tổng hợp (124, 133), vitamin D3.

Sản phẩm có chứa sữa.

SỮA TRÁI CÂY
ZinZin

GIÀU
CANXI
& VITAMIN D3

GIÀU
CANXI
& VITAMIN D3



MX
Giấy

FSC® C014047



8 936009 1793266

CÁNG TRẦN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

THỂ TÍCH THỰC:
180 ml

CÁNG TRẦN NĂNG LƯỢNG
Thực phẩm bổ sung

THỂ TÍCH THỰC:
180 ml

CÁNG TR
Thực:



CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

----- 3 2 8 -----

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 16/MORINAGA/2024

THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY HƯƠNG NHO ZINZIN

THÁI NGUYÊN, 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 16/MORINAGA/2024

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh

Thái Nguyên.

Điện thoại: 02083 666 669

Fax: 02083 866 474

Mã số doanh nghiệp: 4600285900

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thức uống sữa trái cây hương Nho ZinZin

Phân nhóm sản phẩm: Thực phẩm bổ sung

2. Thành phần:

Nước, đường (đường kính, xirô fructose - glucose), sữa bột (26,3 g/L), nước ép táo, chất ổn định (466, 440), khoáng chất (calci gluconat, calci lactat), chất điều chỉnh độ axit (270, 330), dầu thực vật, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương nho đen), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950), màu tổng hợp (124, 133), vitamin D3.

Sản phẩm có chứa sữa.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 8 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Đóng gói với thể tích thực: Hộp 110 ml, 180 ml.

(Sai số định lượng phù hợp với Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

4.2. Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được chứa trong bao bì hộp giấy, bên trong là lớp PE chuyên dùng, ghép kín, đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT của Bộ Y tế.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

QCVN 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn

Thông tư số 24/2013/TT-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

Thông tư số 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 03 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIHAYA TAKASHI



ColourSafe Proof

System/size: TBA_125_SL
 Design ID: VN-T715-02
 Iteration: 001
 Proof ID: blwffb
 Customer SKU:
 Printmethod: Flexo Process
 Opening: Straw
 Creation date: 22-Jan-24

About this proof

This proof has been created to provide you with a reproduction of the design content comprising CMYK colour, positioning of text and imagery which will be visible on the final packaging material. On paper material where mottling will be visible in the final print, the proof attempt to simulate it as closely as possible, but variation can occur. Unless this proof has been supplied showing the values of each spot colour used in the design then the proof should only be used for the approval of design content and should not be used as a guide to match spot colours with the final printed package. If the proof has been provided with an attached label then the proof can be used to give a close reproduction of the specified spot colours. Included on the proof will be the target colours shown as both a numeric and a Lab value. The delta E value is used to indicate how close the colour on the proof is to the target colour. If the colour reference is unclear please contact your local Tetra Pak representative. As the colours of modern digital proofs will vary depend upon the lightning conditions under which they are viewed it is important that they are always assessed under a standard light of 5000K. If a proof is viewed under a light source with an incorrect colour temperature then the colours of the proof will not be correct and an approval should not be provided. The supplied MetaMeric Strip allows you to confirm whether the lighting conditions corresponds to standard illumination and whether an assessment is valid.

Approval

By providing approval to this proof you are confirming that the design content, colour and format is approved for production. As with any industrial process, certain production deviations can occur and, while we undertake to minimise all deviations, the final product may not be in exact conformance to this proof. For further details please refer to the Tetra Pak design manuals. Please be aware that as the design owner you are fully responsible for the design in this proof, including ensuring that the design is not infringing any third party intellectual property rights and that all legal requirements in the jurisdiction of sale (of the package) is met.

Signature: *[Signature]*
 Name: *6th Trial*
 Date: *29/01/24*

This proof is valid for design content and process colours only, spot colours are for reference only.



Test: Mon Jan 22 10:50:05 2024 Job: 20240122035510
 Colormame: C0965C Target LAB Value: 37.5 56.0 -20.9 Proof DE: dE=1.49

L&C xác nhận
[Signature]
 H.T. King 13.3.24

R&D xác nhận
[Signature]
 8/13/24



A01 VN_T715_41_T0097C
51_C0965C

VN_T715_11_T0083C
21_T0053C_31_T0014C



ColourSafe Proof

System/size: TBA_125_SL
 Design ID: VN-T715-02
 Iteration: 001
 Proof ID: gimt
 Customer SKU:
 Printmethod: Flexo.Process
 Opening: Straw
 Creation date: 22-Jan-24

About this proof

This proof has been created to provide you with a reproduction of the design content comprising CMYK colour, positioning of text and imagery which will be visible on the final packaging material. On paper material where mottling will be visible in the final print, the proof attempt to simulate it as closely as possible, but variation can occur. Unless this proof has been supplied showing the values of each spot colour used in the design then the proof should only be used for the approval of design content and should not be used as a guide to match spot colours with the final printed package. If the proof has been provided with an attached label then the proof can be used to give a close reproduction of the specified spot colours. Included on the proof will be the target colours shown as both a numeric and a Lab value. The delta E value is used to indicate how close the colour on the proof is to the target colour. If the colour reference is unclear please contact your local Tetra Pak representative. As the colours of modern digital proofs will vary depend upon the lightning conditions under which they are viewed it is important that they are always assessed under a standard light of 5000K. If a proof is viewed under a light source with an incorrect colour temperature then the colours of the proof will not be correct and an approval should not be provided. The supplied MetaMeric Strip allows you to confirm whether the lighting conditions corresponds to standard illumination and whether an assessment is valid.

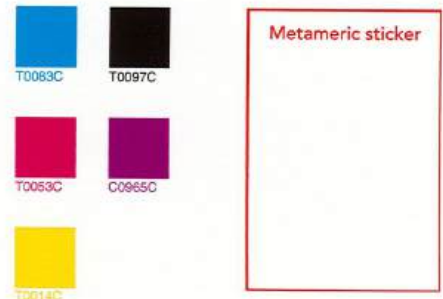
Approval

By providing approval to this proof you are confirming that the design content, colour and format is approved for production. As with any industrial process, certain production deviations can occur and, while we undertake to minimise all deviations, the final product may not be in exact conformance to this proof. For further details please refer to the Tetra Pak design manuals.

Please be aware that as the design owner you are fully responsible for the design in this proof, including ensuring that the design is not infringing any third party intellectual property rights and that all legal requirements in the jurisdiction of sale [of the package] is met.

Signature:
 Name: Đ. Hồ Thế
 Date: 22/01/24

This proof is valid for design content and process colours only, spot colours are for reference only.



Test: Mon Jan 22 14:29:56 2024 Job: 20240122042537

Colorname	Target LAB Value	Proof DE
C0965C	37.5 56.0 -20.9	dE=1.82

L&C xác nhận
 H.T.linh
 18.3.24

R&D xác nhận

 8/13/24



D01 VN_T715_41_T0097C
51_C0965C

VN_T715_11_T0083C
21_T0053C_31_T0014C



ColourSafe Proof

System/size: TBA_125_SL
 Design ID: VN-T715-02
 Iteration: 001
 Proof ID: 2mjkz0
 Customer SKU:
 Printmethod: Flexo Process
 Opening: Straw
 Creation date: 22-Jan-24

About this proof

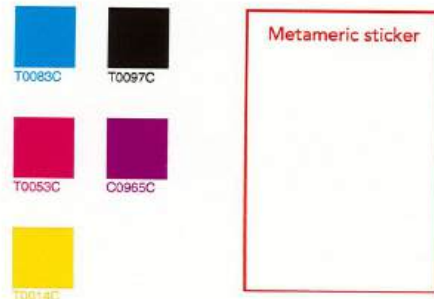
This proof has been created to provide you with a reproduction of the design content comprising CMYK colour, positioning of text and imagery which will be visible on the final packaging material. On paper material where mottling will be visible in the final print, the proof attempt to simulate it as closely as possible, but variation can occur. Unless this proof has been supplied showing the values of each spot colour used in the design then the proof should only be used for the approval of design content and should not be used as a guide to match spot colours with the final printed package. If the proof has been provided with an attached label then the proof can be used to give a close reproduction of the specified spot colours. Included on the proof will be the target colours shown as both a numeric and a Lab value. The delta E value is used to indicate how close the colour on the proof is to the target colour. If the colour reference is unclear please contact your local Tetra Pak representative. As the colours of modern digital proofs will vary depend upon the lightning conditions under which they are viewed it is important that they are always assessed under a standard light of 5000K. If a proof is viewed under a light source with an incorrect colour temperature then the colours of the proof will not be correct and an approval should not be provided. The supplied MetaMeric Strip allows you to confirm whether the lighting conditions corresponds to standard illumination and whether an assessment is valid.

Approval

By providing approval to this proof you are confirming that the design content, colour and format is approved for production. As with any industrial process, certain production deviations can occur and, while we undertake to minimise all deviations, the final product may not be in exact conformance to this proof. For further details please refer to the Tetra Pak design manuals. Please be aware that as the design owner you are fully responsible for the design in this proof, including ensuring that the design is not infringing any third party intellectual property rights and that all legal requirements in the jurisdiction of sale (of the package) is met.

Signature:
 Name: To Ho Thoi
 Date: 22/01/24

This proof is valid for design content and process colours only, spot colours are for reference only.



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 110 ml sản phẩm

Năng lượng	58,5	kcal
Chất đạm	0,96	g
Chất béo	0,18	g
Hydrat cacbon	13,25	g
Calci (Canxi)	70,0	mg
Vitamin D3	61,0	IU

Thành phần: Nước, đường (đường kính, xirô fructose - glucose), sữa bột (26,3 g/L), nước ép táo, chất ổn định (466, 440), khoáng chất (calci gluconat, calci lactat), chất điều chỉnh độ axit (270, 330), dầu thực vật, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương liệu nho đen), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950), màu tổng hợp (124, 133), vitamin D3.
 Sản phẩm có chứa sữa.

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
 NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM
 Công ty thuộc tập đoàn Morinaga Milk Industry Group
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phố Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên.
 Hotline: 1800-888-602
 Website: www.morinaga.vn
 Sản xuất tại Việt Nam.

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống. Ngon hơn khi uống lạnh.
 Sản phẩm cho một lần sử dụng. Hiện tượng thay đổi màu sắc và lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Như cầu khuyến nghị: Nên dùng 2-3 hộp mỗi ngày. Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi. NSK và HSD: Xem trên bao bì sản phẩm.

Test: Mon Jan 22 14:23:44 2024 Job: 20240122042535
 Colormame: C0965C Target LAB Value: 37.5 56.0 -20.9 Proof DE: 1.58

L & C xác nhận

 H.T.Linh 18-3-24

R&D xác nhận

 8/3/24





ColourSafe Proof

System/size: TBA_125_SL
 Design ID: VN-T715-02
 Iteration: 001
 Proof ID: 33uu4s
 Customer SKU:
 Printmethod: Flexo.Process
 Opening: Straw
 Creation date: 22-Jan-24

About this proof

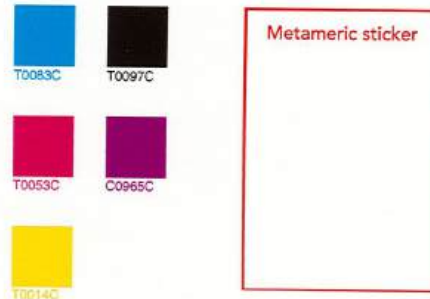
This proof has been created to provide you with a reproduction of the design content comprising CMYK colour, positioning of text and imagery which will be visible on the final packaging material. On paper material where mottling will be visible in the final print, the proof attempt to simulate it as closely as possible, but variation can occur. Unless this proof has been supplied showing the values of each spot colour used in the design then the proof should only be used for the approval of design content and should not be used as a guide to match spot colours with the final printed package. If the proof has been provided with an attached label then the proof can be used to give a close reproduction of the specified spot colours. Included on the proof will be the target colours shown as both a numeric and a Lab value. The delta E value is used to indicate how close the colour on the proof is to the target colour. If the colour reference is unclear please contact your local Tetra Pak representative. As the colours of modern digital proofs will vary depend upon the lightning conditions under which they are viewed it is important that they are always assessed under a standard light of 5000K. If a proof is viewed under a light source with an incorrect colour temperature then the colours of the proof will not be correct and an approval should not be provided. The supplied MetaMeric Strip allows you to confirm whether the lighting conditions corresponds to standard illumination and whether an assessment is valid.

Approval

By providing approval to this proof you are confirming that the design content, colour and format is approved for production. As with any industrial process, certain production deviations can occur and, while we undertake to minimise all deviations, the final product may not be in exact conformance to this proof. For further details please refer to the Tetra Pak design manuals. Please be aware that as the design owner you are fully responsible for the design in this proof, including ensuring that the design is not infringing any third party intellectual property rights and that all legal requirements in the jurisdiction of sale [of the package] is met.

Signature:
 Name: G. Ho Thi
 Date: 22/01/24

This proof is valid for design content and process colours only, spot colours are for reference only.



Test: Mon Jan 22 10:50:05 2024 Job: 20240122035510
 Colorname: C0965C Target LAB Value: 37.5 56.0 -20.9 Proof DE: dE=1.60

L&C xác nhận

H.T. Linh 18-3-24

R&D xác nhận

8/3/24





ColourSafe Proof

System/size: TBA_200_SL
 Design ID: VN-T716-02
 Iteration: 001
 Proof ID: 2a7f8h
 Customer SKU:
 Printmethod: Flexo Process
 Opening: Straw
 Creation date: 22-Jan-24

About this proof

This proof has been created to provide you with a reproduction of the design content comprising CMYK colour, positioning of text and imagery which will be visible on the final packaging material. On paper material where mottling will be visible in the final print, the proof attempt to simulate it as closely as possible, but variation can occur. Unless this proof has been supplied showing the values of each spot colour used in the design then the proof should only be used for the approval of design content and should not be used as a guide to match spot colours with the final printed package. If the proof has been provided with an attached label then the proof can be used to give a close reproduction of the specified spot colours. Included on the proof will be the target colours shown as both a numeric and a Lab value. The delta E value is used to indicate how close the colour on the proof is to the target colour. If the colour reference is unclear please contact your local Tetra Pak representative. As the colours of modern digital proofs will vary depend upon the lightning conditions under which they are viewed it is important that they are always assessed under a standard light of 5000K. If a proof is viewed under a light source with an incorrect colour temperature then the colours of the proof will not be correct and an approval should not be provided. The supplied MetaMeric Strip allows you to confirm whether the lighting conditions corresponds to standard illumination and whether an assessment is valid.

Approval

By providing approval to this proof you are confirming that the design content, colour and format is approved for production. As with any industrial process, certain production deviations can occur and, while we undertake to minimise all deviations, the final product may not be in exact conformance to this proof. For further details please refer to the Tetra Pak design manuals. Please be aware that as the design owner you are fully responsible for the design in this proof, including ensuring that the design is not infringing any third party intellectual property rights and that all legal requirements in the jurisdiction of sale [of the package] is met.



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 180 ml sản phẩm

Năng lượng	95,7	kcal
Chất đạm	1,58	g
Chất béo	0,29	g
Hydrat cacbon	21,68	g
Calci (Canxi)	115,0	mg
Vitamin D3	100,0	IU

Thành phần: Nước, đường (đường kính, xirô fructose - glucose), sữa bột (26,3 g/l), nước ép táo, chất ổn định (406, 440), khoáng chất (calci gluconat, calci lactat), chất điều chỉnh độ axit (270, 330), dầu thực vật, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương nho đen), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950), màu tổng hợp (124, 133), vitamin D3.

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
 NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM
 Công ty thuộc tập đoàn Morinaga Milk Industry Group
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phố Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên.
 Hotline: 1800-888-602
 Website: www.morinaga-nf.com.vn
 Sản xuất tại Việt Nam.

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống. Ngon hơn khi uống lạnh.
 Sản phẩm cho mát lần sử dụng. Hiện tượng thay đổi màu sắc và lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Nhu cầu khuyến nghị: Nên dùng 1 - 2 hộp mỗi ngày. Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi.
 NSX và HSD: Xem trên bao bì sản phẩm.



Test: Mon Jan 22 11:44:57 2024 Job: 20240122035740
 Colorname: C0965C Target LAB Value: 37.5 56.0 -20.9 Proof DE: dE=1.62

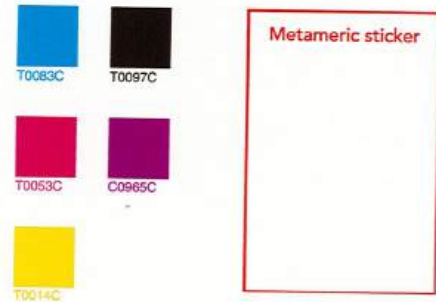
L&C xác nhận
 H.T.hinh 13.3.24

R&D xác nhận
 8/3/24.



Signature: [Handwritten Signature]
 Name: Lê Thị Thảo
 Date: 29/01/24

This proof is valid for design content and process colours only, spot colours are for reference only.



VN_T716_11_T0083C_T716_21_T0053C
_T716_31_T0014C_T716_41_T0097C
_T716_51_C0965C



ColourSafe Proof

System/size: TBA_200_SL
 Design ID: VN-T716-02
 Iteration: 001
 Proof ID: 76b50o
 Customer SKU:
 Printmethod: Flexo Process
 Opening: Straw
 Creation date: 22-Jan-24

About this proof

This proof has been created to provide you with a reproduction of the design content comprising CMYK colour, positioning of text and imagery which will be visible on the final packaging material. On paper material where mottling will be visible in the final print, the proof attempt to simulate it as closely as possible, but variation can occur. Unless this proof has been supplied showing the values of each spot colour used in the design then the proof should only be used for the approval of design content and should not be used as a guide to match spot colours with the final printed package. If the proof has been provided with an attached label then the proof can be used to give a close reproduction of the specified spot colours. Included on the proof will be the target colours shown as both a numeric and a Lab value. The delta E value is used to indicate how close the colour on the proof is to the target colour. If the colour reference is unclear please contact your local Tetra Pak representative. As the colours of modern digital proofs will vary depend upon the lighting conditions under which they are viewed it is important that they are always assessed under a standard light of 5000K. If a proof is viewed under a light source with an incorrect colour temperature then the colours of the proof will not be correct and an approval should not be provided. The supplied MetaMeric Strip allows you to confirm whether the lighting conditions corresponds to standard illumination and whether an assessment is valid.

Approval

By providing approval to this proof you are confirming that the design content, colour and format is approved for production. As with any industrial process, certain production deviations can occur and, while we undertake to minimise all deviations, the final product may not be in exact conformance to this proof. For further details please refer to the Tetra Pak design manuals. Please be aware that as the design owner you are fully responsible for the design in this proof, including ensuring that the design is not infringing any third party intellectual property rights and that all legal requirements in the jurisdiction of sale [of the package] is met.



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 180 ml sản phẩm

Năng lượng	95,7	kcal
Chất đạm	1,58	g
Chất béo	0,29	g
Hydrat cacbon	21,68	g
Calci (Canxi)	115,0	mg
Vitamin D3	100,0	IU

Thành phần: Nước, đường (đường kính, xirô fructose - glucose), sữa bột (26,3 g/L), nước ép táo, chất ổn định (466, 440), khoáng chất (calci gluconat, calci lactat), chất điều chỉnh độ axit (270, 330), dầu thực vật, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương nho đen), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950), màu tổng hợp (124, 133), vitamin D3.

Sản phẩm có chứa sữa.

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
 NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM
 Công ty thuộc tập đoàn
 Morinaga Milk Industry Group
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam
 Phú Yên, phường Thuận Thành,
 thành phố Phú Yên,
 tỉnh Thái Nguyên.
 Hotline: 1800-888-602
 Website: www.morinaga-nf.com.vn
 Sản xuất tại Việt Nam.

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống. Ngon hơn khi uống lạnh.
 Sản phẩm cho một lần sử dụng.
 Hiện tượng thay đổi màu sắc và lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Nhu cầu khuyến nghị: Nên dùng 1 - 2 hộp mỗi ngày.
 Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi.
NSX và HSD: Xem trên bao bì sản phẩm.



Test: Mon Jan 22 11:44:57 2024 Job: 20240122035740
 Colortname: C0965C Target LAB Value: 37.5 56.0 -20.9 Proof DE: dE=1.53

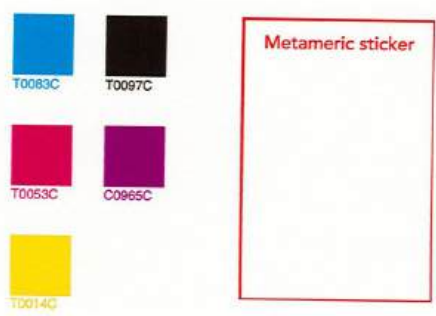
L&C xác nhận
 H.T. Lim 13.3.24

RXD xác nhận
 8/3/24

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM
 M.S.D.N: 4600285900 - C.T.C.P. AN
 PHÚ YÊN - T. THÁI NGUYÊN

Signature: [Handwritten Signature]
 Name: Lê Thị Thảo
 Date: 22/01/24

This proof is valid for design content and process colours only, spot colours are for reference only.





ColourSafe Proof

System/size: TBA_200_SL
 Design ID: VN-T716-02
 Iteration: 001
 Proof ID: 5dfdk1
 Customer SKU:
 Printmethod: Flexo Process
 Opening: Straw
 Creation date: 22-Jan-24

About this proof

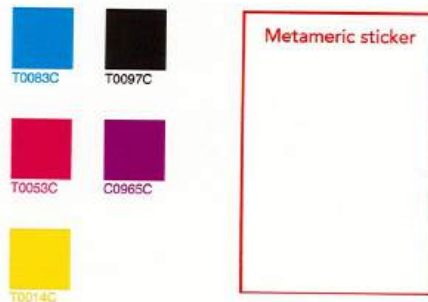
This proof has been created to provide you with a reproduction of the design content comprising CMYK colour, positioning of text and imagery which will be visible on the final packaging material. On paper material where mottling will be visible in the final print, the proof attempt to simulate it as closely as possible, but variation can occur. Unless this proof has been supplied showing the values of each spot colour used in the design then the proof should only be used for the approval of design content and should not be used as a guide to match spot colours with the final printed package. If the proof has been provided with an attached label then the proof can be used to give a close reproduction of the specified spot colours. Included on the proof will be the target colours shown as both a numeric and a Lab value. The delta E value is used to indicate how close the colour on the proof is to the target colour. If the colour reference is unclear please contact your local Tetra Pak representative. As the colours of modern digital proofs will vary depend upon the lightning conditions under which they are viewed it is important that they are always assessed under a standard light of 5000K. If a proof is viewed under a light source with an incorrect colour temperature then the colours of the proof will not be correct and an approval should not be provided. The supplied MetaMeric Strip allows you to confirm whether the lighting conditions corresponds to standard illumination and whether an assessment is valid.

Approval

By providing approval to this proof you are confirming that the design content, colour and format is approved for production. As with any industrial process, certain production deviations can occur and, while we undertake to minimise all deviations, the final product may not be in exact conformance to this proof. For further details please refer to the Tetra Pak design manuals. Please be aware that as the design owner you are fully responsible for the design in this proof, including ensuring that the design is not infringing any third party intellectual property rights and that all legal requirements in the jurisdiction of sale [of the package] is met.

Signature:
 Name: K. Ho Thai
 Date: 22/01/24

This proof is valid for design content and process colours only, spot colours are for reference only.



Test: Mon Jan 22 15:14:32 2024 Job: 20240122031737
 Colorname: C0965C Target LAB Value: 37.5 56.0 -20.9 Proof DE: dE=1.02

L&C xác nhận
 H.T. Vũ 13.3.24

R & D xác nhận

 8/3/24.



A01



VN 1716 11 10089C 1716 21 10093C
 1716 31 10014C 1716 41 10077C
 1716 51 10085C

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 180 ml sản phẩm

Năng lượng	95.7	kcal
Chất đạm	1.58	g
Chất béo	0.29	g
Hydrat cacbon	21.68	g
Calô (Calori)	115.0	mg
Vitamin D3	100.0	IU

Thành phần: Nước, đường (đường kính, xitô fructose - glucose), sữa bột (26.3 g/l), nước ép táo, chất ổn định (466, 440), khoáng chất (calcium, citric acid), chất điều chỉnh độ axit (270, 330), dầu thực vật, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương thảo chanh, chiết tạo ngọt tổng hợp 651, 950), màu tổng hợp (124, 133), vitamin D3.

Sản phẩm có chứa sữa.



フルーツミルク
SUA TƯƠI PINZIN
 HƯƠNG NHỎ



THỨC UỐNG
GIÀU CANXI & VITAMIN D3
 CANG TRẠNG HÀNG LƯƠNG
 (thực phẩm bổ sung)
 180 ml

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
 MORINAGA FOODS VIET NAM
 Công ty thực phẩm - sữa
 Morinaga Milk Industry Group
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Farm
 Phú Yên, phường Thuận An, thành
 phố Thủ Đức, TP. HCM
 Hotline: 1800.8082.602
 Website: www.morinagafoods.vn

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh.
 Sản phẩm cho một lần sử dụng. Hiện tượng thay đổi màu sắc và lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Mu cầu khuyến nghị: Nên uống 1 - 2 hộp mỗi ngày.
 Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi, NSX và HSD; Xem trên bao bì sản phẩm.



Position proof

System/size: TBA_200_SL
 Design ID: VN-T716-02
 Iteration: 001
 Proof ID: 9fm714
 Customer SKU: Flexo Process
 Printmethod: Straw
 Opening: 17-Jan-24
 Creation date

About this proof:
 This proof has been created to provide you with a reproduction of the textual content and design layout which will be visible on the final packaging material.

This proof is not colour accurate and all colours shown in this proof are indicative with either reference colourswatches or colour numbers indicated below. If the referenced colour or colour numbers for this proof are unclear to you, then do not approve the proof and contact your local Tetra Pak representative.

By providing approval to this proof you are confirming that the textual content, design content, and colours as referenced are approved for production. As with any industrial process, certain deviations can occur and products may not be in exact conformation with this proof. Refer to the Tetra Pak Design Manuals for details.

Please be aware that as the design owner you are fully responsible for the design in this proof, including ensuring that the design is not infringing any third party intellectual property rights and that all legal requirements in the jurisdiction of sale (if the package) is met.

Phong Pháp Chế & Thiết
 Thủ xác nhận

Signature: M.T. xác nhận
 Thủ xác nhận
 Name: _____
 Date: _____





Report N°: 0000472127

Page N° 1/9

Ho Chi Minh City, Date: March 25, 2024
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 25/03/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2403A-0950
Đơn hàng: 2403A-0950

CLIENT'S NAME : MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

CLIENT'S ADDRESS : NAM PHO YEN INDUSTRIAL PARK, THUAN THANH WARD, PHO YEN CITY, THAI
Địa chỉ : NGUYEN PROVINCE, VIETNAM
KCN NAM PHỖ YÊN, PHƯỜNG THUẬN THÀNH, THÀNH PHỐ PHỖ YÊN, TỈNH THÁI
NGUYÊN, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Thức uống Sữa trái cây hương nho Zinzin
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Beverage (approx. gr. wt. 1.481kg) in 12 full labeled paper
Mô tả mẫu : containers
: Thức uống (khoảng 1.481kg bao gồm bao bì) chứa trong 12 vật chứa bằng
giấy nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2403A-0950.004
Mã số mẫu

Date sample(s) received : March 08, 2024
Ngày nhận mẫu : 08/03/2024

Testing period : March 08, 2024 - March 14, 2024
Thời gian thử nghiệm : 08/03/2024 - 14/03/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000472127

Page N° 2/9

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	<1	-	1	cfu/mL	
2. Total Coliforms <i>Coliform tổng</i>	ISO 4832:2006	<1	-	1	cfu/mL	
3. Clostridium perfringens <i>Clostridium perfringens</i>	ISO 7937:2004	<1	-	1	cfu/mL	
4. Enterobacteriaceae <i>Enterobacteriaceae</i>	ISO 21528-2:2017	<1	-	1	cfu/mL	
5. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-2:2001	<1	-	1	cfu/mL	
6. Listeria monocytogenes <i>Listeria monocytogenes</i>	ISO 11290-2:2017	<1	-	1	cfu/mL	
7. Pseudomonas aeruginosa <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	LFOD-TST-SOP-8930	<1	-	1	cfu/mL	
8. Faecal streptococci <i>Liên cầu khuẩn đường ruột</i>	BS 4285-3.11:1985	<1	-	1	cfu/mL	
9. Staphylococcus aureus <i>Staphylococcus aureus</i>	US FDA BAM Chapter 12	<1	-	1	cfu/mL	
10. Total Yeast and Mold <i>Tổng nấm men và nấm mốc</i>	ISO 21527-1:2008	<1	-	1	cfu/mL	
11. Aflatoxin M1 <i>Aflatoxin M1</i>	ISO 14501:2021	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	µg/kg	
12. Gentamicin (sum of gentamicin C1, gentamicin C1a, gentamicin C2 and gentamicin C2a) <i>Gentamicin (tổng của gentamicin C1, gentamicin C1a, gentamicin C2 và gentamicin C2a)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/L	
13. Streptomycin (Sum of dihydrostreptomycin and streptomycin) <i>Streptomycin (Tổng của dihydrostreptomycin và streptomycin)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/L	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



VILAS 237

SGS

Report N°: 0000472127

Page N° 3/9

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
14. Dihydrostreptomycin <i>Dihydrostreptomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8002 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/L	
15. Streptomycin <i>Streptomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8002 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/L	
16. Neomycin (sum of Neomycin B and Neomycin C) <i>Neomycin (tổng của Neomycin B và Neomycin C)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8002 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/L	
17. Spectinomycin <i>Spectinomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8002 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/L	
18. Dexamethasone <i>Dexamethasone</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8004 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/L	
19. Ceftiofur (sum of ceftiofur, desfuroylceftiofur and metabolites convertible to desfuroylceftiofur by dithioerythritol, expressed as ceftiofur) <i>Ceftiofur (tổng của ceftiofur, desfuroylceftiofur và bao gồm các chất chuyển hóa khác được chuyển về desfuroylceftiofur bằng dithioerythritol, được qui về ceftiofur)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8008 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	6	20	µg/L	
20. Colistin (sum of Colistin A and Colistin B) <i>Colistin (Tổng của Colistin A và Colistin B)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8021 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/L	
21. Colistin B <i>Colistin B</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8021 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	20	50	µg/L	
22. Colistin A <i>Colistin A</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8021 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	20	50	µg/L	
23. Penethamate (determined and expressed as Benzylpenicillin) <i>Penethamate (được xác định và quy về Benzylpenicillin)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8041 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/L	
24. Diminazene <i>Diminazene</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8041 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/L	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,

Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000472127

Page N° 4/9

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
25. Isometamidium <i>Isometamidium</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/L	
26. Pirlimycin <i>Pirlimycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/L	
27. Spiramycin (sum of Spiramycin and Neospiramycin expressed as Spiramycin) <i>Spiramycin (tổng của Spiramycin và Neospiramycin được quy về Spiramycin)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/L	
28. Neospiramycin <i>Neospiramycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/L	
29. Spiramycin <i>Spiramycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/L	
30. Tylosin <i>Tylosin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/L	
31. Lincomycin <i>Lincomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
32. Amoxicillin <i>Amoxicillin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8041 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
33. Albendazole <i>Albendazole</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/L	
34. Doramectin <i>Doramectin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	2	5	µg/L	
35. Febantel <i>Febantel</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/L	
36. Fenbendazole (sum of fenbendazole, oxfendazole and oxfendazole sulfone, expressed as oxfendazole sulfone) <i>Fenbendazole (tổng của fenbendazole, oxfendazole and oxfendazole sulfone, quy về oxfendazole sulfone)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/L	
37. Fenbendazole <i>Fenbendazole</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/L	
38. Oxfendazole <i>Oxfendazole</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/L	

5-C.7
TY
NAM
HUUHAN
O CHI N

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tây Thanh Ward,

Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



VILAS 237

SGS

Report N°: 0000472127

Page N° 5/9

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
39. Oxfendazole sulfone <i>Oxfendazole sulfone</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/L	
40. Imidocarb <i>Imidocarb</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/L	
41. Ivermectin (22,23-dihydro-ivermectin B1a) <i>Ivermectin</i> (22,23-dihydro-ivermectin B1a)	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	2	5	µg/L	
42. Monensin <i>Monensin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/L	
43. Thiabendazole (sum of Thiabendazole and 5-hydroxy-Thiabendazole) <i>Thiabendazole (tổng của</i> <i>Thiabendazole và</i> <i>5-hydroxy-Thiabendazole)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/L	
44. Thiabendazole <i>Thiabendazole</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/L	
45. Thiabendazole, 5-hydroxy- <i>Thiabendazole, 5-hydroxy-</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/L	
46. Trichlorfon (Dipterex) <i>Trichlorfon (Dipterex)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/L	
47. Eprinomectin (determined and expressed as Eprinomectin B1a) <i>Eprinomectin (được xác định và</i> <i>quy về Eprinomectin B1a)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	3	10	µg/L	
48. Sulfamethazine (Sulfadimidine) <i>Sulfamethazine (Sulfadimidine)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8042 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/L	
49. Clenbuterol <i>Clenbuterol</i>	CATH-LFOD-TST-SOP- 8000 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.02	0.05	µg/L	
50. Chlortetracycline (CTC) <i>Chlortetracycline (CTC)</i>	CATH-LFOD-TST- SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.5	1.5	µg/L	
51. Oxytetracycline (OTC) <i>Oxytetracycline (OTC)</i>	CATH-LFOD-TST- SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/L	
52. Tetracycline (TC) <i>Tetracycline (TC)</i>	CATH-LFOD-TST- SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/L	
53. Patulin <i>Patulin</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/L	



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,

Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vnThis document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



VILAS 237



Report N°: 0000472127

Page N° 6/9

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
54. Arsenic (As) Asen	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/L	
55. Cadmium (Cd) Cadimi	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.005	mg/L	
56. Mercury (Hg) Thủy ngân	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/L	
57. Lead (Pb) Chì	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/L	
58. Pesticides by LC & GC-MS/MS ^(w) Thuốc bảo vệ thực vật bởi LC & GC-MS/MS	Refer to the note Tham khảo phần ghi chú	Not Detected Không phát hiện	-	-	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (1) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (1) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AACS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AACS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (w) Values below or equal to limit of detection, unless listed above. The test items are listed in the annex enclosed.
(w) Nếu không được liệt kê bên trên thì những chất được kiểm nghiệm nhỏ hơn hoặc bằng giới hạn phát hiện. Các chỉ tiêu thử nghiệm được liệt kê trong phụ lục kèm theo.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000472127

the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- Analysis method/ Phương pháp kiểm nghiệm:
 - QuPPE-PO Method (EURL-SRM ver 12.2, 2023) (Chlormequat (sum), Ethephon)
 - EN 15662:2018 (Others)

40
NG
HIỆ
HIỆM
P.H

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,

Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

((84-28) 3935 1920 f((84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service http://www.sgs.com/vn/Terms-and-Conditions.aspx. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



PESTICIDES LIST ANNEX/ PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:

Unit/ Đơn vị: mg/kg

No	Name	CAS No.	LOD	LOQ	No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
1	Abamectin B1a (sum of Avermectin B1a and 8,9-Z-Abamectin B1a expressed as Abamectin B1a) ^(*)	65195-55-3	0.001	0.002	2	Aldrin ^(*)	309-00-2	0.001	0.003
3	Aldrin and Dieldrin (sum, expressed as dieldrin)	309-00-2	...(a)	...(a)	4	Chlordane (sum of cis- and trans-chlordane) ^(*)	5103-71-9 & 5103-74-2	...(a)	...(a)
5	Chlordane, cis- ^(*)	5103-71-9	0.0003	0.001	6	Chlordane, trans- ^(*)	5103-74-2	0.0003	0.001
7	Chlormequat (Sum of Chlormequat and its salts, expressed as Chlormequat- Chloride)	7003-89-6	0.003	0.01	8	Chlorpyrifos (-ethyl)	2921-88-2	0.002	0.005
9	Cyfluthrin (sum of isomers)	68359-37-5	0.002	0.005	10	Cyhalothrin-lambda and Cyhalothrin-gamma (sum)	91465-08-6 & 78703-62-3	2	5
11	Cypermethrin (sum of isomers)	52315-07-8	0.002	0.005	12	DDE-p,p'-	72-55-9	0.002	0.005
13	DDT (sum of p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE and p,p'-TDE (DDD) expressed as DDT)	50-29-3, 789-02-6, 72-55-9 & 72-54-8	...(a)	...(a)	14	DDT-o,p'-	789-02-6	0.002	0.005
15	DDT-p,p'-	50-29-3	0.002	0.005	16	Deltamethrin (sum of isomers)	52918-63-5	0.002	0.005
17	Demeton-S ^(*)	126-75-0	0.003	0.01	18	Demeton-S-sulfone	2496-91-5	0.002	0.005
19	Demeton-S-sulfoxide	2496-92-6	0.002	0.005	20	Dieldrin ^(*)	60-57-1	0.001	0.003
21	Dimethoate	60-51-5	0.002	0.005	22	Diphenylamine ^(*)	122-39-4	0.0001	0.0003
23	Disulfoton	298-04-4	0.003	0.01	24	Disulfoton (sum of disulfoton, demeton-S and their sulphoxides and sulphones, expressed as disulfoton) ^(*)	298-04-4	...(a)	...(a)
25	Disulfoton Sulfone	2497-06-5	0.002	0.005	26	Disulfoton Sulfoxide	2497-07-6	0.002	0.005
27	Endosulfan (sum of endosulfan I, endosulfan II and endosulfan sulfate expressed as endosulfan)	115-29-7	...(a)	...(a)	28	Endosulfan I	959-98-8	0.003	0.01
29	Endosulfan II	33213-85-9	0.003	0.01	30	Endosulfan sulfate	1031-07-6	0.002	0.005
31	Ethephon	16672-87-0	0.003	0.01	32	Ethoprophos	13194-48-4	0.002	0.005
33	Fipronil ^(*)	120068-37-3	0.0003	0.001	34	Fipronil (sum of fipronil and sulfone metabolite expressed as fipronil)	120068-37-3	...(a)	...(a)
35	Fipronil Sulfone ^(*)	120068-36-2	0.0003	0.001	36	Flumethrin ^(*)	69770-45-2	0.01	0.03
37	HCH (BHC)-gamma (Lindane)	58-89-9	0.002	0.005	38	Heptachlor ^(*)	76-44-8	0.0003	0.001
39	Heptachlor (sum of heptachlor and heptachlor epoxide expressed as heptachlor)	76-44-8	...(a)	...(a)	40	Heptachlor endo-epoxide (isomer A) ^(*)	28044-83-9	0.0003	0.001
41	Heptachlor epoxide (sum of isomer A and B)	76-44-8	...(a)	...(a)	42	Heptachlor exo-epoxide (isomer B) ^(*)	1024-57-3	0.0003	0.001
43	Methamidophos	10285-92-6	0.002	0.005	44	Penconazole (sum of constituent isomers)	66246-88-6	0.002	0.005
45	Piperonyl butoxide	51-03-6	0.002	0.005	46	Propargite	2312-35-8	0.002	0.005
47	Spinosad (sum of spinosyn A + D)	168316-95-8	...(a)	...(a)	48	Spinosyn A	131929-60-7	0.002	0.005
49	Spinosyn D	131929-63-0	0.002	0.005	50	TDE (DDD), p,p'-	72-54-8	0.002	0.005
51	Tebufozozide	112410-23-8	0.002	0.005					

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000472022 – Date: 25/03/2024 issued by SGS Vietnam Ltd.

Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000472022 – Ngày: 25/03/2024 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thạnh Ward,

Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com.vn/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000472127

Page N° 9/9

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.